

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Trưởng Ban ISO thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Trưởng Ban ISO, Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH-CN (để báo cáo);
- Lưu : VT, tổ thư ký ISO.

TRƯỞNG BAN

Hoàng Đình Phi

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN
PHONG ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2008

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 106/QĐ-KKT ngày 18/6/2018
của Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư tại địa bàn Khu kinh tế Vân Phong và các KCN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong các lĩnh vực hoạt động như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
2. Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
3. Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
4. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư;
6. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư;
7. Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
8. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư);
9. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
10. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;
11. Chuyển nhượng dự án đầu tư;
12. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế;
13. Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài;
14. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
15. Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
16. Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

17. Giãn tiến độ đầu tư;
18. Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư;
19. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;
20. Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC;
21. Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC;
22. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;
23. Cung cấp thông tin về dự án đầu tư;
24. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư;
25. Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý;
26. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý;
27. Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế;
28. Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động;
29. Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế;
30. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;
31. Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
32. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ưu đãi mẫu D qua Internet;
33. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;
34. Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;
35. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
36. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
37. Thu hồi giấy phép lao động;
38. Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp;
39. Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp;
40. Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp;
41. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày;

42. Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (ngoại trừ dự án khai thác khoáng sản);

43. Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (ngoại trừ dự án khai thác khoáng sản);

44. Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp;

45. Chấp thuận tách đầu nổi khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp và tự xử lý nước thải phát sinh;

46. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

47. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

48. Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

49. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

50. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

51. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp

hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *(Ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử – văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng);*

52. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. *(Ngoại trừ Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng
tại Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các
lĩnh vực hoạt động của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong
(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KKT ngày /6/2018
của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2018

TRƯỞNG BAN

Hoàng Đình Phi